

CHIẾN THẮNG TUA HAI - “PHÁT PHÁO LỆNH” PHONG TRÀO ĐỒNG KHỞI Ở TÂY NINH VÀ MIỀN ĐÔNG NAM BỘ

Đặng Hoàng Sang^{1}*

Tây Ninh là tỉnh biên giới thuộc miền Đông Nam Bộ, là vùng đất có bề dày lịch sử đấu tranh cách mạng chống giặc ngoại xâm, giữ yên bờ cõi miền biên viễn. Đặc biệt, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, được sự lãnh đạo trực tiếp của Xứ ủy Nam Bộ, quân và dân Tây Ninh phối hợp với lực lượng vũ trang miền Đông Nam Bộ tổ chức trận tập kích quân sự có quy mô lớn nhất tại chiến trường Nam Bộ kể từ sau ngày ký Hiệp định Genève (21/7/1954) vào căn cứ Tua Hai của quân đội Sài Gòn vào lúc 0 giờ 30 phút, ngày 26/1/1960. Chiến thắng Tua Hai đã làm rung chuyển cả bộ máy kìm kẹp của đối phương, trở thành “phát pháo lệnh” mở đầu cho phong trào Đồng khởi ở tỉnh Tây Ninh nói riêng và miền Đông Nam Bộ nói chung.

1. Bối cảnh lịch sử

Trước khi có chiến thắng Tua Hai, cách mạng miền Nam trải qua gần 6 năm rơi vào tình cảnh đen tối nhất. Kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bằng Hiệp định Genève, Việt Nam mới chỉ giành thắng lợi ở một nửa nước. Trong khi miền Bắc nghiêm túc thi hành những điều khoản của hiệp định này, thì ở miền Nam Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm ra sức phá hoại hiệp định, thực hiện âm mưu “chia cắt lâu dài đất nước ta, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ, lập phòng tuyến ngăn chặn chủ nghĩa xã hội lan xuống Đông Nam châu Á, đồng thời lấy miền Nam làm căn cứ để tiến công miền Bắc,... hòng đè bẹp và đẩy lùi chủ nghĩa xã hội ở vùng này, bao vây và uy hiếp các nước xã hội chủ nghĩa khác”².

Sau khi xây dựng chính quyền, quân đội và tiêu diệt các giáo phái đối lập, với sự giúp đỡ của Mỹ, chính quyền Ngô Đình Diệm tập trung khủng bố những người kháng chiến cũ ở miền Nam thông qua chiến dịch “tổ cộng, diệt cộng”. Với những khẩu hiệu: “Tiêu diệt cán bộ nằm vùng”, “Tiêu diệt cộng sản tận gốc”, “Thà giết lầm còn hơn bỏ sót”, chính quyền Diệm đã thẳng tay đàn áp cách mạng, những người có cảm tình với cách mạng hoặc bị tình nghi.

Tại Tây Ninh, nơi có căn cứ địa kháng chiến đầu não ở Nam Bộ, trở thành một trong những trọng điểm của chiến dịch “tổ cộng, diệt cộng” của Mỹ-Diệm.

^{1*} Ths, Trường THCS và THPT Trường Xuân, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ. Email: dhsang1990@gmail.com

² Đảng Cộng sản Việt Nam (1977), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần IV*, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.15.

Ngày 20/7/1957, Tỉnh trưởng Tây Ninh Nguyễn Văn Ngôn đã báo cáo với Phó Tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ: “Thiết nghĩ, đối với một tỉnh lẻ biên thùy như Tây Ninh, ta phải có biện pháp mạnh hơn”³. Theo đó, chính quyền Sài Gòn đã ra sức phát triển hệ thống mật vụ, tình báo dày đặc trong các xóm, ấp (có xã lên đến 30-40 tên) ngày đêm theo dõi nhân dân, gây nên bầu không khí hết sức căng thẳng. Những người kháng chiến cũ bị lập hồ sơ, truy lùng giam cầm, cán bộ cách mạng bị tàn sát. Ngày 6/5/1959, Tổng thống Ngô Đình Diệm ban hành Luật 10/59, đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật, hành hình những người cách mạng không cần xét xử. Những trại giam chật ních những người cộng sản và quần chúng yêu nước. Tháng 8/1959, đồng chí Hoàng Lê Kha, Thường vụ Tỉnh ủy Tây Ninh bị bắt khi đang công tác ở thị xã, nhằm uy hiếp tinh thần nhân dân địa phương⁴. Đảng bộ tỉnh Tây Ninh bị thiệt hại nghiêm trọng, có xã chỉ còn 2-3 đảng viên. Đến cuối năm 1959, Tây Ninh chỉ còn chưa đầy 300 đảng viên⁵.

Ở miền Nam, tính đến cuối năm 1958, có khoảng 68.800 cán bộ, đảng viên bị giết hại; bắt giam 466.000 và tra tấn thành thương tật 680.000 người⁶; phản ánh tính chất tàn bạo và tội ác của chính quyền Ngô Đình Diệm đối với nhân dân miền Nam Việt Nam. Tình hình khó khăn lúc bấy giờ được đồng chí Lê Duẩn nhận định: “Do sự khủng bố hết sức dã man tàn ác của địch... nên vào năm 1959, lực lượng cách mạng ở vào tình thế hết sức nguy hiểm. Cơ sở đảng tan vỡ hết 7-8 phần 10, quần chúng căm hờn nhưng bị kìm kẹp gay gắt, cơ hồ như phải quy xuống, không vùng lên nổi”⁷.

Chính sách đàn áp dã man của chính quyền Ngô Đình Diệm gây tổn thất rất nặng nề cho cách mạng miền Nam, đã đến lúc cuộc đấu tranh một mất một còn của nhân dân miền Nam với kẻ thù cần phải quyết liệt hơn. Nông dân xã Hòa Hội, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đã ký tên vào bức tâm thư gửi lên

³ Hồ Sơn Đài (2019), *Bàn về nguyên nhân dẫn đến trận tập kích Tua Hai* trong Bộ Quốc phòng – Ban Tuyên giáo Trung ương – Tỉnh ủy Tây Ninh, *Chiến thắng Tua Hai – mở đầu cao trào Đồng khởi ở Nam Bộ*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội, tr.195.

⁴ Sau chiến thắng Tua Hai, chính quyền Ngô Đình Diệm đưa đồng chí Hoàng Lê Kha về Tây Ninh xử bằng máy chém theo Luật 10/59 nhằm răn đe phong trào cách mạng đang phát triển ở đây.

⁵ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tây Ninh (2010), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Tây Ninh (1930 – 1975)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.171.

⁶ Bộ Quốc phòng – Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (1996), *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975*, tập II: *Chuyển chiến lược*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.178.

⁷ Bộ Quốc phòng – Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (1991), *Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới của đế quốc Mỹ ở Việt Nam*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội, tr.42-43.

Bác Hồ: “Nhân dân bị khủng bố, cán bộ bị giết hại, xin cho bộ đội miền Nam tập kết ra Bắc trở về đánh giặc, cứu dân”⁸. Quả thật, nếu không vùng dậy, không những cách mạng miền Nam không thực hiện được mục tiêu của mình, mà ngay bản thân lực lượng cách mạng cũng có nguy cơ bị đối phương tiêu diệt hoàn toàn. Tình thế cấp bách đó đã thôi thúc Trung ương Đảng phải kịp thời chuyển hướng đấu tranh, vượt qua thời kỳ giữ gìn lực lượng cách mạng. Từ đầu năm 1957, Bộ Chính trị đặt vấn đề phải chuyển hướng chiến lược đấu tranh cách mạng ở miền Nam. Tuy nhiên, để có được phương pháp đấu tranh phù hợp và đúng đắn là một quá trình thử thách lâu dài và khó khăn. Vấn đề đặt ra cho Trung ương Đảng là phải tìm ra những chủ trương và phương pháp cho cách mạng miền Nam phù hợp với tình hình trong nước và quốc tế đang diễn ra vô cùng phức tạp⁹.

Ngày 13/1/1959, Ban Chấp hành Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị lần thứ 15 (mở rộng) do Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ tọa họp tại Hà Nội. Sau khi phân tích, đánh giá đặc điểm nước ta từ sau ngày hòa bình lập lại, Trung ương Đảng đã quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng đánh đổ chính quyền Mỹ-Diệm. Hội nghị nhấn mạnh ngoài con đường dùng bạo lực cách mạng, nhân dân miền Nam không có con đường nào khác. Theo đó, phương hướng cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng con đường đấu tranh chính trị là chủ yếu, kết hợp với đấu tranh vũ trang đánh đổ ách thống trị của Mỹ-Diệm¹⁰.

Nghị quyết Trung ương 15 ra đời đã đáp ứng được nguyện vọng bức thiết của cách mạng miền Nam lúc đó và làm xoay chuyển tình thế, tạo nên một bước ngoặt mới cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân miền Nam, trong đó có quân dân Tây Ninh và miền Đông Nam Bộ, vùng lên đập tan xiềng xích nô lệ để giành quyền làm chủ.

2. Cuộc tập kích căn cứ Tua Hai của quân đội Sài Gòn (26/1/1960)

⁸ Nguyễn Việt Tá (chủ biên) (1990), *Miền Đông Nam Bộ kháng chiến*, tập II, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội, tr.69.

⁹ Trong thời gian này, đường lối đối ngoại hòa bình đang thắng thế trong phong trào cộng sản quốc tế. Mặt khác, Liên Xô và Trung Quốc là những nước ủng hộ sự nghiệp cách mạng Việt Nam lại phát sinh mâu thuẫn gay gắt. Liên Xô và Trung Quốc đều muốn Việt Nam phải theo chiến lược của họ, đều khuyên Việt Nam chấp nhận tạm thời chia cắt đất nước. Đây là thời kỳ phức tạp nhất về chính trị đối với việc hoạch định đường lối chỉ đạo cách mạng của Đảng.

¹⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 20, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.82.

Dưới ánh sáng Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng, phong trào nổi dậy từ chỗ lẻ tẻ ở từng địa phương như cuộc nổi dậy ở Vĩnh Thạnh (Bình Định), Bác Ái (Ninh Thuận) tháng 2/1959; ở Trà Bồng (Quảng Ngãi) tháng 8/1959, đã lan ra khắp miền Nam thành cao trào cách mạng, tiêu biểu là cuộc Đồng khởi ở Mỏ Cày (Bến Tre) ngày 17/1/1960. Thắng lợi đó tác động trực tiếp đến phong trào cách mạng ở các địa phương lân cận. Xứ ủy Nam Bộ chủ trương tập trung lực lượng đánh một trận lớn để mở màn phong trào Đồng khởi ở miền Đông Nam Bộ. Sau các trận đánh liên tiếp vào các đồn bót của đối phương, các đơn vị vũ trang tập trung các tỉnh Kiên Phong, Kiên Tường, Long An, Rạch Giá, Trà Vinh,... Xứ ủy Nam Bộ chỉ thị cho Ban Quân sự miền Đông đẩy mạnh hoạt động của bộ đội tập trung, tổ chức những trận đánh thoi động toàn Miền, thúc đẩy phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng¹¹.

Đầu năm 1960, đồng chí Nguyễn Văn Linh, Bí thư Xứ ủy, triệu tập đồng chí Nguyễn Hữu Xuyên từ căn cứ đông bắc về mở Hội nghị Ban Quân sự miền Đông họp ở Bàu Rã (Tây Ninh), bàn phương án nổi dậy khởi nghĩa. Ban quân sự Miền đề nghị hai phương án: (1) Đánh từ một đến hai quận lỵ và bốn đến năm cứ điểm; (2) Đánh căn cứ Tua Hai. Đồng chí Bí thư Xứ ủy Nam Bộ chấp thuận phương án hai và động viên các lực lượng vũ trang chuẩn bị chu đáo, đánh chắc thắng để giành thắng lợi¹².

Tua Hai (tour) vốn là tháp canh số 2 nằm trên quốc lộ 22 đi Campuchia, cách thị xã Tây Ninh 7km về phía bắc, được thực dân Pháp xây dựng từ cuối năm 1945. Năm 1956, chính quyền Ngô Đình Diệm xây dựng thành một căn cứ quân sự, nơi đóng quân của Trung đoàn 32 thuộc Sư đoàn 13 quân chủ lực Sài Gòn. Theo Đại tá Nguyễn Hữu Có, Tư lệnh Quân khu I (quân đội Sài Gòn), quân số Trung đoàn 32 có 1.694 lính. Căn cứ có hình vuông, mỗi cạnh 800m, có thành bao bọc cao 2m và 24 tháp canh xung quanh. Từ bờ thành đi vào phải qua một bãi đất trống có gài mìn và hào giao thông ngang dọc. Đây cũng là nơi đào tạo lính mới, huấn luyện biệt kích, có kho súng đạn lớn và một nhà tù giam giữ hàng trăm người.

Tuy nhiên, Tua Hai lại là nơi có cơ sở mạnh của ta hoạt động. Trong những dịp lễ tết, hàng trăm anh em binh sĩ đã bỏ về nhà không xin phép chỉ huy. Cơ sở đã phát triển cả trong hàng ngũ hạ sĩ quan và sĩ quan, nắm được quân số, vũ khí, trang bị của đối phương trong căn cứ. Một số cơ sở khác của

¹¹ Nguyễn Quý (chủ biên) (2015), *Lịch sử Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954 - 1975)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.130.

¹² Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu 7 (2010), *Lịch sử miền Đông Nam Bộ và cục Nam Trung Bộ kháng chiến (1945 - 1975)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.363-364.

ta phụ trách thông tin liên lạc của trung đoàn, nên nắm được tình hình hàng ngày. Có cả một tổ chức chi bộ đảng ở đây, chịu sự lãnh đạo của một huyện ủy viên từ bên ngoài, có lúc là tỉnh ủy viên phụ trách.

Xứ ủy Nam Bộ chấp thuận chọn đánh Tua Hai còn vì đây là nơi có lực lượng chủ lực của quân đội Diệm, nếu chiến thắng quân chủ lực của đối phương sẽ dao động, kéo theo lực lượng bảo an, dân vệ xã sẽ lung lay. Kho vũ khí lấy được của đối phương sẽ làm tăng đáng kể sức mạnh của lực lượng vũ trang ta. Khi đó phát động phong trào quần chúng nổi dậy diệt ác, phá kìm lấy đồn, giải phóng xã, ấp sẽ dễ dàng hơn. Đồng thời, thời điểm diễn ra trận đánh là Tết âm lịch, lúc này nhân dân đã gặt xong lúa, thóc đã vào bờ, có lương thực dự trữ và cũng là để tạo yếu tố bất ngờ với đối phương.

Trước khi diễn ra trận Tua Hai, từ giữa năm 1957 đến cuối năm 1959, ở miền Đông Nam Bộ và Tây Ninh đã liên tiếp diễn ra một số trận đánh của các đơn vị vũ trang mang danh nghĩa giáo phái, nhằm hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, gây được tiếng vang lớn. Tại Tây Ninh, ngày 3/4/1957, lực lượng vũ trang tập kích Sở cao su Bến Củi (Dương Minh Châu); ngày 26/4/1959, lực lượng vũ trang diệt tên trưởng đồn Băng Đung (xã Phước Vinh, huyện Châu Thành)... Những trận đánh đó đã góp phần cung cấp một khối lượng đáng kể vũ khí, trang bị phục vụ cho quá trình khôi phục và phát triển lực lượng vũ trang. “Tính đến năm 1959, lực lượng vũ trang miền Đông Nam Bộ có tổng cộng trên dưới 20 đại đội, với hơn 1.000 cán bộ, chiến sĩ, trong đó khoảng hai phần ba lực lượng được trang bị súng các loại”¹³. Riêng ở Tây Ninh, xây dựng được 4 đại đội (Đại đội 20, Đại đội 30, Đại đội 70 và Đại đội 80). Hoạt động tích cực và có hiệu quả của lực lượng vũ trang các tỉnh miền Đông Nam Bộ tạo điều kiện cho trận tập kích quân sự vào căn cứ Tua Hai sau này.

Thực hiện chủ trương của Xứ ủy Nam Bộ, Ban Chỉ huy trận đánh nhanh chóng được thành lập: đồng chí Nguyễn Hữu Xuyên (Tám Kiến Quốc) chỉ huy trưởng; đồng chí Mai Chí Thọ (Tám Cao), Chính trị viên; đồng chí Lê Thanh (Tám Lê Thanh), chỉ huy phó; đồng chí Võ Cương (Mười Năng) chỉ huy phó.

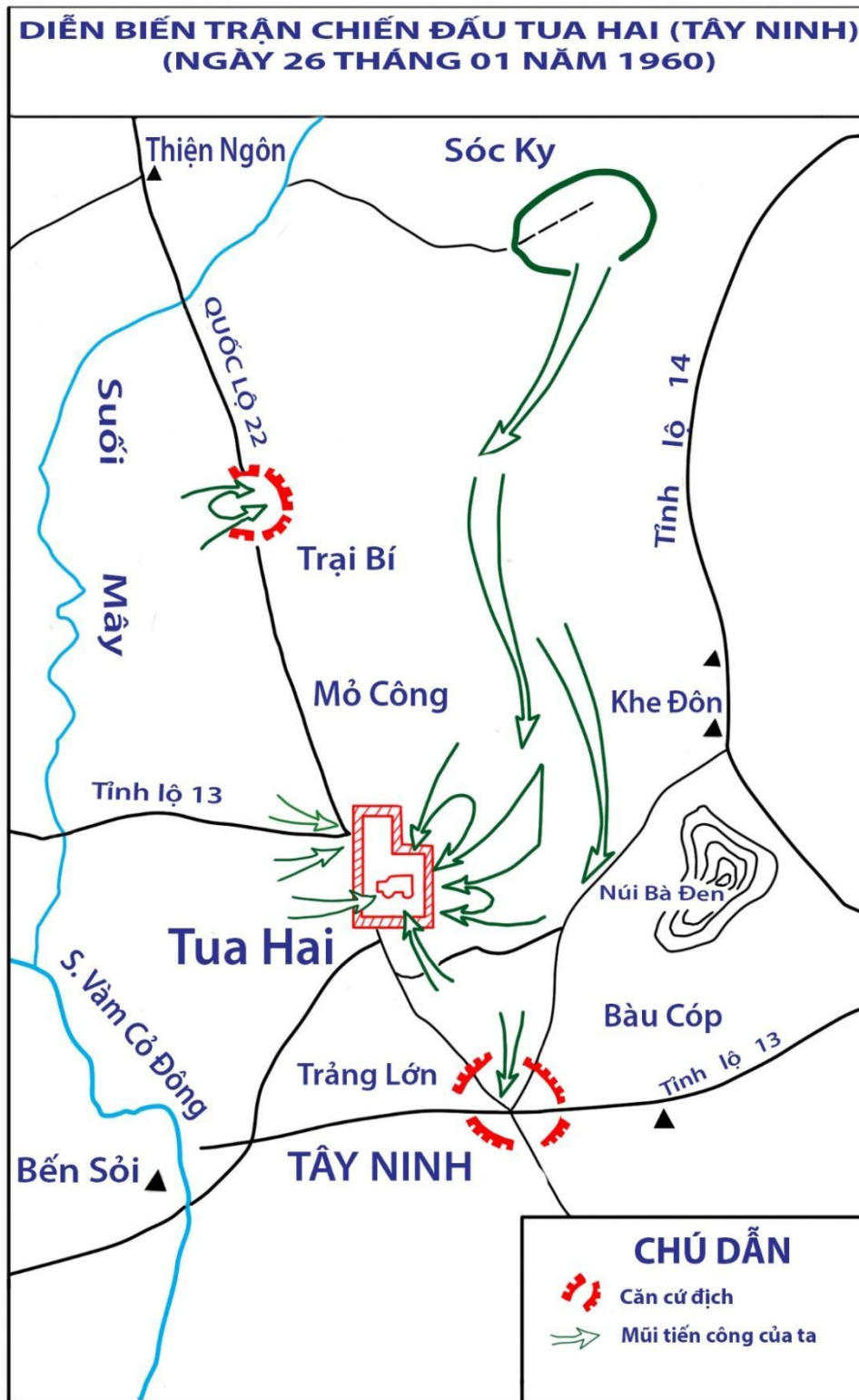
Lực lượng tham gia trận đánh gồm có 3 đại đội bộ binh (59, 80, 70), đại đội đặc công 60 và 1 trung đội thuộc lực lượng Bình Xuyên, 1 trung đội địa phương tỉnh Tây Ninh và 300 dân công phục vụ chiến đấu; vũ khí trang bị có 1 đại liên, 4 trung liên, hơn 100 súng trường, tiểu liên và 70 trái nỏ, thủ pháo

¹³ Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh Tây Ninh – Bộ Tư lệnh Quân khu 7 (1999), *Chiến thắng Tua Hai và phong trào Đồng khởi ở miền Đông Nam Bộ*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội, tr.116.

¹⁴. Phương án tiến công Tua Hai từ bốn hướng được xác định như sau: hướng 1, đánh vào chỉ huy sở Trung đoàn 32, gồm có 37 cán bộ, chiến sĩ Đại đội 60 và 80 do đồng chí Tư Đen chỉ huy trưởng, đồng chí Vinh và Sáu Tươi chỉ huy phó, đồng chí Ba Bảy bộc phá viên. Hướng 2, đánh vào Tiểu đoàn 1 và khu kho, gồm 54 cán bộ, chiến sĩ thuộc Đại đội 59 và một tổ của Đại đội 80, do đồng chí Năm Nhỏ chỉ huy trưởng, Tư Lòng chỉ huy phó, Bảy Tâm chính trị viên, đồng chí Tư Sáu bộc phá, trái nổ. Hướng 3, đánh vào Tiểu đoàn 2 và phát triển cùng với lực lượng hướng hai đánh vào khu kho, gồm 40 cán bộ, chiến sĩ của Đại đội 60 và một tổ của Đại đội 80 do đồng chí Tám Lê Thanh chỉ huy trưởng, Bảy Tấn (Tèo) chỉ huy phó, đồng chí Nhà chỉ huy tổ đặc công. Hướng 4, tiến công đại đội pháo binh và khu nhà xe gồm 70 cán bộ, chiến sĩ do đồng chí Sáu Hiến chỉ huy trưởng, Sáu Quân chỉ huy phó, Năm Cẩm chính trị viên, đồng chí Ngon phụ trách đặc công. Lực lượng chặn chi viện có một trung đội do đồng chí Hai Phương chỉ huy. Lực lượng vận tải, tiếp tế gồm toàn đảng viên, đoàn viên do đồng chí Tư Nguyễn phụ trách¹⁵. Riêng Đại đội 20 của Tây Ninh làm nhiệm vụ dẫn đường cho hướng 3 và hướng 4.

¹⁴ Bộ Quốc phòng (2015), *Bách khoa toàn thư quân sự Việt Nam*, Quyển 1: *Lịch sử quân sự*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội, tr.1077.

¹⁵ Bộ Quốc phòng – Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (1996), *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975*, Sđd, tr.280-281.



Nguồn: Bộ Quốc phòng – Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (1996), *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975*, tập II: *Chuyển chiến lược*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Theo kế hoạch, đúng 23 giờ ngày 25/1 ta nổ súng, nhưng một tình huống xảy ra ngoài dự kiến. Một đoàn xe máy chục chiếc chở đầy lính từ thị xã

kéo lên theo đường số 22 đến trước Tua Hai đậu lại, rồi tiến lên phía bắc¹⁶. Qua theo dõi tình hình, đồng chí Nguyễn Hữu Xuyên trực tiếp chỉ huy trận đánh đánh giá kế hoạch chưa bị lộ, vẫn giữ quyết tâm và ra lệnh nổ súng.

Mở màn trận đánh, lúc 0 giờ 30 phút ngày 26/1/1960, đại đội đặc công do đồng chí Vinh chỉ huy chia thành nhiều tổ được trang bị 70 trái beta do ta sản xuất (loại lớn 4,5kg, loại nhỏ 1,2kg), đột nhập vào căn cứ Tua Hai, phối hợp với một bộ phận binh sĩ yêu nước nội ứng trong căn cứ đánh từ trong ra. Trước sức mạnh của bộc phá, thủ pháo kết hợp với bộ binh, quân đội Sài Gòn nhanh chóng tan rã. Tận dụng thời cơ, quân ta nhanh chóng đánh chiếm kho súng, lấy vũ khí và chiến lợi phẩm chuyển ra vùng căn cứ¹⁷. Tên trung đoàn phó và đơn vị bảo vệ ban chỉ huy trung đoàn đối phương bị tiêu diệt ngay từ đầu. Tên trung đoàn trưởng vắng trại nên thoát chết. Với cách đánh mưu trí và dũng cảm, sau 3 giờ 30 phút chiến đấu, ta đã làm chủ được tình hình và nhanh chóng kết thúc trận đánh. Trận tiến công Tua Hai thắng lợi vang dội đúng như kế hoạch đã “tiêu diệt 400 tên địch, bắt 500 tên, thu 1.200 súng các loại, phá hủy nhiều vũ khí và phương tiện chiến tranh”¹⁸. Lực lượng ta hy sinh 7 đồng chí và bị thương 12 đồng chí¹⁹.

Chiến thắng Tua Hai đã làm cho đối phương phải choáng váng. Từ Phái bộ Cố vấn viện trợ Quân sự Mỹ ở Đông Dương (MAAG) đến Bộ Quốc phòng Sài Gòn đều cho rằng “quân chính quy Bắc Việt đã tràn vào miền Nam”. Chiến thắng này đã vượt ra khỏi ý nghĩa của trận thắng thông thường, trở thành một trong những bước kiểm nghiệm tính đúng đắn của Nghị quyết Trung ương 15; đồng thời là “phát pháo lệnh” cho cuộc nổi dậy đồng loạt không chỉ ở Tây Ninh, mà cả miền Đông Nam Bộ.

3. “Phát pháo lệnh” cho phong trào Đồng khởi ở Tây Ninh và Đông Nam Bộ

Ngay trong đêm căn cứ Tua Hai bị đánh, quân đối phương ở các đồn Hảo Đức, xóm Vịnh đã bỏ chạy. Sáng hôm sau, một loạt hệ thống đồn bót đóng

¹⁶ Đây là một bộ phận của Tiểu đoàn 1, thuộc Trung đoàn 32 được điều lên Khe Đơn để tham gia cuộc càn ngày 26/1/1960 theo kế hoạch của chúng.

¹⁷ Đồng chí Lê Thanh, chỉ huy phó trận đánh ra lệnh lấy ba xe vận tải của đối phương chở đầy súng đạn ra quốc lộ 22 hướng Trại Bí về căn cứ. Sau khi di chuyển không xa, một xe bị lật bánh không chạy được, đành bỏ vũ khí lại. Hai xe còn lại, bị đối phương chặn đánh nên vũ khí mang theo về căn cứ chưa đến 500 khẩu súng.

¹⁸ Trịnh Nhu (chủ biên) (2008), *Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954 – 1975)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.237.

¹⁹ Xem thêm Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tây Ninh (2010), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Tây Ninh (1930 – 1975)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.180.

trên quốc lộ 22 từ Tây Ninh lên biên giới, dọc tỉnh lộ số 13, tỉnh lộ số 4, các lộ ủi biên giới Cần Đăng, Đồng Pan, Lộc Ninh, Đôn Thuận hoảng sợ rút chạy. Sau đó, ta cướp bóc Hòa Hiệp (Châu Thành), bóc Cầu Ván (Trảng Bàng).

Từ tháng 2 đến tháng 4/1960, quân và dân tỉnh Tây Ninh tiếp tục đồng loạt nổi dậy tiêu diệt đồn bóc ở các xã. Tại hướng bắc, tổng Phước Hưng và Hòa Ninh có 7 xã, quân dân nổi dậy vũ trang giải phóng được 6 xã (Phước Hòa, Phước An, Phước Vĩnh, Phước Lộc, Hảo Đức, Hòa Hiệp); riêng xã Phước Lợi còn lại một đồn trợ trợ nên bọn tề trong xã cũng bỏ trốn. 8 xã của tổng Hòa Ninh chỉ có 3 xã còn vương đồn lớn chưa nhỏ được là Thái Bình, Trí Bình và Thanh Điền. Ở phía đông, ta giải phóng Suối Đá, Cầu Khởi, Lộc Ninh, suối Ông Hùng. Phía tây ta giải phóng Long Chữ, Long Giang, Long Phước, Phước Chỉ, Phước Lưu, Bình Thạnh,... Phía nam giải phóng Thạnh Phước, Cầu Sắt, suối Bà Tươi, Đôn Thuận, Lộc Hưng và phần lớn đất đai của hai xã Gia Lộc, An Tịnh.

Ở Dương Minh Châu, lực lượng vũ trang địa phương đã bắt ba trưởng ấp và mở phiên tòa xét xử công khai tại Bàu Chòi. Tiếp đó, phối hợp với cơ sở nội tuyến đánh chiếm các đồn Phan, Bình Linh, Chà Là, Quy Thiện,... Tại đồn Quy Thiện, với sức mạnh của quần chúng nhân dân, lính đồn đầu hàng, các mẹ, các chị xông vào cướp súng. Ở Thanh Điền, ngay trong ngày Tết Nguyên đán, nhân dân rầm rộ xuống đường liên tiếp đấu tranh trừng trị ác ôn. Mùng 7 Tết, nhân dân chiếm bóc hãng Đường và hãng Nhà Vương. Có khoảng gần 5.000 quần chúng nhân dân nổi dậy tại đây khiến đối phương hoảng sợ bỏ bóc tháo chạy.

Đến tháng 7/1960, quân và dân tỉnh Tây Ninh đã nổi dậy giải phóng hoàn toàn 24 xã, giải phóng về cơ bản 19 xã trong tổng số 49 xã trong tỉnh và làm tan rã hầu hết tề ấp, xã, trên 70% lực lượng bảo an, dân vệ. Vùng căn cứ kháng chiến được mở rộng, đặc biệt là xây dựng được căn cứ Bời Lời²⁰.

Từ phong trào Đồng khởi của quần chúng nhân dân, lực lượng vũ trang tỉnh Tây Ninh cũng phát triển mạnh mẽ. Tiểu đoàn 14 (D14), đơn vị vũ trang của tỉnh được thành lập, cùng các trung đội J15A đặc công và J15B đặc công. Tiếp đó, hàng loạt các đơn vị vũ trang của huyện cũng ra đời và trở thành lực lượng nòng cốt hỗ trợ cho phong trào đấu tranh của quần chúng như C40 (huyện Châu Thành), C31 (huyện Dương Minh Châu), C33 (liên huyện Gò Dầu – Trảng Bàng), C61 (huyện Bến Cầu),... Ngoài ra, 44/49 xã đã xây dựng

²⁰ Đảng ủy, Bộ Tư Lệnh Quân khu 7 (2010), *Lịch sử miền Đông Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ kháng chiến (1945 – 1975)*, Sđd, tr.368-369.

được các đội du kích, mỗi đội có từ 1 đến 2 tổ du kích. Ban Quân sự các cấp được hình thành, trực tiếp chỉ huy các đơn vị vũ trang trực thuộc.

Dưới tác động của chiến thắng Tua Hai, phong trào Đồng khởi từ Tây Ninh lan rộng và trở thành nguồn cổ vũ to lớn đối với phong trào vũ trang khởi nghĩa kết hợp với nổi dậy của quần chúng nhân dân đang diễn ra mạnh mẽ ở các tỉnh miền Đông Nam Bộ.

Long An mở đầu cuộc đồng loạt khởi nghĩa bằng trận tiến công đồn Đức Lập (huyện Đức Hòa) cùng thời điểm diễn ra trận tập kích căn cứ Tua Hai của Trung đội 231 thuộc Tiểu đoàn 506. Phong trào nhanh chóng lan ra các huyện Đức Huệ, Bến Lức, Châu Thành, Cần Đước, chiếm được nhiều bót, giải tán các tệ ấp, xã, trừng trị bọn ác ôn. Tháng 9/1960, toàn tỉnh có 12 xã được giải phóng hoàn toàn, 67 xã còn một đồn bót đối phương. Đến cuối năm 1960, tỉnh Long An đã giải phóng hoàn toàn được 29 xã.

Tại Thủ Dầu Một, từ ngày 25/2/1960, phong trào nổi dậy của quần chúng nhân dân và lực lượng vũ trang bùng nổ và lan rộng ra các huyện Bến Cát, Châu Thành, Lái Thiêu, các đồn cao su Dầu Tiếng, Hớn Quản, Lộc Ninh. Qua một tháng Đồng khởi, quân và dân Thủ Dầu Một đã giải phóng được 40 ấp và 10/22 làng công nhân cao su, diệt trên 100 tên ác ôn, giải tán nhiều tệ ấp, xã; diệt, bức hàng, bức rút hàng chục đồn bót, thu gần 300 súng, mở ra nhiều vùng giải phóng, tạo thành thế liên hoàn từ các huyện phía nam đến các huyện rừng núi phía bắc tỉnh, làm bàn đạp, căn cứ đứng chân cho lực lượng vũ trang.

Ở Biên Hòa, hàng trăm thanh niên đã lên đường gia nhập lực lượng vũ trang tuyên truyền chuẩn bị phát động quần chúng nổi dậy. Đầu năm 1960, phong trào diệt ác, phá kìm phát triển mạnh ở nhiều nơi thuộc các huyện Vĩnh Cửu, Long Thành, Nhơn Trạch. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, lực lượng vũ trang chia làm hai mũi (phía đông bắc và phía nam sông Đồng Nai) phát động quần chúng nổi dậy. Với phương châm “đánh một rã mười”, nhiều tên ác ôn, có nợ máu với cách mạng đã bị tiêu diệt, phá tung bộ máy kìm kẹp ở các ấp, hạ uy thế đối phương. Ở Dĩ An, 20 thanh niên có trang bị vũ trang tiến công dân vệ Bình Trị, diệt hoàn toàn đối phương, thu một tiểu liên, năm súng trường.

Tháng 2/1960, một số vùng nông thôn ở Gia Định nổi dậy. Ngày 23/02/1960, Huyện ủy Củ Chi phát động quần chúng diệt ác, phá kìm, giải tán tệ giành chính quyền. Nhân dân các xã Phước Vĩnh An, Tân Phú Trung, Tân An Hội,... đồng loạt hưởng ứng. Nhân dân xuống đường nổi trồng mố, đốt khí đá trên đường số 7 và đường số 15 làm áp đảo tinh thần đối phương. Cuối

tháng 3/1960, Củ Chi giải phóng được 4 xã (Nhuận Đức, Phú Hòa Đông, An Nhơn Tây, Phú Mỹ Hưng). Sau đó, phong trào lan sang các huyện Cần Giò và Nhà Bè. Đến cuối năm 1960, vùng nông thôn ngoại thành Sài Gòn – Gia Định có 30 xã được giải phóng.

Tại Bà Rịa, đêm 30/3/1960, lực lượng vũ trang diệt chỉ huy bất hiến binh và nhiều ác ôn, hỗ trợ quần chúng nổi dậy trấn áp các tề, xã. Ở các đồn điền cao su, các xã thuộc hai huyện Long Đất và Xuyên Mộc, phong trào nổi dậy phá kìm kẹp diễn ra mạnh mẽ. Chỉ trong thời gian ngắn, bọn ác ôn khét tiếng ở Bà Rịa đều bị trừng trị. Tuyến hành lan chiến lược từ Chiến khu Đ qua Long Khánh về Bà Rịa được hình thành. Đến cuối năm 1960, lực lượng cách mạng ở địa phương phát triển nhanh chóng, hệ thống lãnh đạo các cấp từ xã đến tỉnh được kiện toàn, gần 90% chi bộ đảng cơ sở được phục hồi lại.

Có thể khẳng định rằng, sau “quả đấm quân sự” Tua Hai, Tây Ninh đã trở thành hình mẫu của loại hình Đồng khởi bắt đầu từ tiến công quân sự kết hợp với nổi dậy của quần chúng ở miền Đông Nam Bộ. Chiến thắng Tua Hai đã trở thành “phát pháo lệnh” cho cuộc nổi dậy đồng loạt ở Tây Ninh và miền Đông Nam Bộ, từng bước phá vỡ từng mảng lớn hệ thống kìm kẹp của chính quyền Sài Gòn ở nhiều vùng nông thôn; mở rộng và nối liền các căn cứ địa cách mạng ở miền Đông Nam Bộ thành vùng giải phóng rộng lớn, tạo thế đứng chân vững chắc cho các lực lượng vũ trang cách mạng. Trong báo cáo gửi Tổng thống Mỹ Kennedy, Cục tình báo Trung ương Mỹ (CIA) thừa nhận: “Trong sáu tháng cuối năm 1960, tình hình an ninh trong nước (miền Nam – TG) vẫn tiếp tục ngày càng xấu đi và nay đã lên tới mức nghiêm trọng... Trên một nửa toàn vùng nông thôn ở phía nam và phía tây nam Sài Gòn cũng như một số vùng ở phía bắc đã nằm dưới quyền kiểm soát rất lớn của Việt cộng”²¹.

Chiến thắng Tua Hai là minh chứng thuyết phục cho sự đúng đắn của Nghị quyết Trung ương 15 và sự vận dụng sáng tạo của Xứ ủy Nam Bộ trong điều kiện cách mạng miền Nam. Chiến thắng này đánh dấu thời kỳ “chuyển mình” của cách mạng Tây Ninh nói riêng và miền Đông Nam Bộ nói chung, đưa cách mạng vượt qua khó khăn, thử thách, từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công. Những giá trị đó sẽ được tiếp tục kế thừa và phát huy có hiệu quả trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay.

²¹ Nguyễn Hoàng Nhiên (2019), *Chiến thắng Tua Hai – 60 năm nhìn lại*, trong Bộ Quốc phòng – Ban Tuyên giáo Trung ương – Tỉnh ủy Tây Ninh, *Chiến thắng Tua Hai – mở đầu cao trào Đồng khởi ở Nam Bộ*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội, tr.151.

Với ý nghĩa lịch sử to lớn đó, địa điểm chiến thắng Tua Hai tọa lạc tại ấp Tua Hai, xã Đồng Khởi, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đã được Bộ Văn hóa – Thông tin xếp hạng là Di tích lịch sử quốc gia tại Quyết định số 937/QĐ-BT ngày 23/7/1993 với tổng diện tích khoanh vùng bảo vệ là 347.000m² (trong đó khu vực I: 191.200m²; khu vực II: 156.400m²). Đây sẽ là “tư liệu sống” vô cùng giá trị để truyền thụ, bồi đắp thêm tình yêu, niềm tự hào về một trong những quê hương Đồng khởi anh hùng cho thế hệ trẻ hôm nay và mai sau.



Di tích chiến thắng Tua Hai.
Nguồn: www.TayNinh.ur.com.vn

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh Tây Ninh – Bộ Tư lệnh Quân khu 7 (1999), *Chiến thắng Tua Hai và phong trào Đồng khởi ở miền Đông Nam Bộ*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
2. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tây Ninh (2010), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Tây Ninh (1930 – 1975)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Bộ Quốc phòng – Ban Tuyên giáo Trung ương – Tỉnh ủy Tây Ninh (2019), *Chiến thắng Tua Hai – mở đầu cao trào Đồng khởi ở Nam Bộ*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
4. Bộ Quốc phòng – Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (1991), *Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới của đế quốc Mỹ ở Việt Nam*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội.

5. Bộ Quốc phòng – Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (1996), *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975*, tập II: *Chuyển chiến lược*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (1977), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần IV*, Nxb Sự thật, Hà Nội
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 20, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
8. Đảng ủy, Bộ Tư Lệnh Quân khu 7 (2010), *Lịch sử miền Đông Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ kháng chiến (1945 – 1975)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
9. Hội đồng chỉ đạo biên soạn Lịch sử Đảng bộ miền Đông Nam Bộ (2003), *Lịch sử Đảng bộ miền Đông Nam Bộ lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945 – 1975)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
10. Nguyễn Quý (Chủ biên) (2015), *Lịch sử Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954 – 1975)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
11. Nguyễn Viết Tá (chủ biên) (1990), *Miền Đông Nam Bộ kháng chiến*, tập II, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
12. Trịnh Nhu (chủ biên) (2008), *Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954 – 1975)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.